TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2025/HS-ST
Ngày: 25-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Văn Thị Ngọc Hà

2. Ông Nguyễn Văn Tám

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 67/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 14/2025/QĐ-TA ngày 24 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn S, sinh năm 1993 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q, sinh năm 1958 và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20-12-2024, chuyển tạm giam ngày 29-12-2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố V – Trại tạm giam Công an tỉnh B *(có mặt)*.

2. Triệu Văn N1, sinh năm 1993 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 35/2013/HSST ngày 20-6-2013 của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20-12-2024, chuyển tạm giam từ ngày 29-12-2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố V – Trại tạm giam Công an tỉnh B *(có mặt)*.

- *Người chứng kiến:* Anh Vương Nhật M, sinh năm 1994; nơi cư trú: 3 B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn S và Triệu Văn N1 là đối tượng nghiện ma túy, S làm nghề đi biển đánh bắt hải sản. Ngày 17-12-2024, S vào bờ và bị thương ở mặt nên đến xin ở nhờ tại phòng trọ của N1 địa chỉ 4 B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 20-12-2024, S đang ở nhà của N1, chuẩn bị đi biển tiếp nên rủ N1 mua ma túy đá về sử dụng thì N1 đồng ý. Khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 20-12-2024, S đi xe ôm xuống khu vực Cảng I đường B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu gặp một người thanh niên không biết tên (không rõ nhân thân, lai lịch) mua một gói ma túy đá với số tiền là 300.000đ. Sau khi mua được gói ma túy đá, S cất giấu trong người mang về nhà của N1 nhằm mục đích sử dụng cùng với N1. Khi mang gói ma túy đá về nhà của N1, S bỏ gói ma túy đá ra; N1 lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá của N1 đã chuẩn bị từ trước rồi cả hai cùng nhau lên gác; sau đó, N1 cho ma túy đá vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy rồi đưa cho S hút được khoảng 03 đến 04 hơi thì đến lượt N1 sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, S thấy nóng nên xuống trước còn N1 xuống sau. Số ma túy còn lại, S nói N1 hàn lại cất giữ để tiếp tục sử dụng cho lần sau. Sau đó, N1 xin S 10.000 đồng để đi ra ngoài mua mì tôm, đồng thời N1 giấu gói ma túy đá trong khẩu trang đeo trên mặt. Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 20-12-2024, khi N1 đi ra đến khu vực phía trước địa chỉ số D đường B, phường N, thành phố V tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thì bị lực lượng Công an phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát hiện, bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép 01 gói nylon được hàn kín hai đầu bên trong có chứa ma túy. Tiến hành khám xét nơi ở của N1 thu giữ bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Công an phường tiến hành lập biên bản thu giữ tang vật và niêm phong theo quy định. Sau khi đưa các đối tượng về trụ sở làm việc, qua test nhanh đối với Trần Văn S và Triệu Văn N1 đều cho kết quả dương tính với chất ma túy. Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Trần Văn S và Triệu Văn N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi như trên.

Tại bản kết luận giám định số 68/KL-KTHS-MT ngày 25-12-2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận 01 gói nylon hàn kín chứa chất kết tinh màu trắng (ký hiệu mẫu A), có khối lượng 0,2021 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 phong bì niêm phong số 68 ngày 27-12-2024 của Phòng K Công an tỉnh B;

- 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy;

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 màu đen;

- 01 điện thoại di động hiệu Realme C51, màu đen.

Tất cả tài liệu, đồ vật trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý, chờ xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 69/CT-VKS ngày 13-3-2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã truy tố các bị cáo Trần Văn S và Triệu Văn N1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trần Văn S và Triệu Văn N1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

+ Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn S từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 02 năm đến 02 năm 06 tháng về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 03 năm đến 03 năm 09 tháng.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Triệu Văn N1 từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và 02 năm 03 tháng đến 03 năm về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng.

+ Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội đối với 01 phong bì niêm phong số 68 ngày 27-12-2024 của Phòng K Công an tỉnh B (ma túy đã hết trong quá trình giám định); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Đối với các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội là 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 màu đen thu giữ của bị cáo N1; 01 điện thoại di động hiệu Realme C51, màu đen thu giữ của bị cáo S. Quá trình điều tra xác định các điện thoại trên là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho các bị cáo.

- Các bị cáo Trần Văn S và Triệu Văn N1 đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận. Nói lời sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại

phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, tài liệu chứng cứ thu thập đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà là khách quan, phù hợp với kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20-12-2024, tại khu vực phía trước số nhà D B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Triệu Văn N1 có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy của Trần Văn S, N1 để trong khẩu trang đeo trên mặt, qua giám định có khối lượng 0,2021 gam, loại Methamphetamine, mục đích để S và N1 cùng sử dụng thì bị Công an phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát hiện bắt quả tang.

Trước đó, vào khoảng 09 giờ 00 cùng ngày, tại phòng trọ của N1 ở địa chỉ 4 B, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Trần Văn S đã có hành vi cung cấp ma túy, còn Triệu Văn N1 cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy, địa điểm để S và N1 cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy.

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Văn S và Triệu Văn N1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây tác hại lớn về nhiều mặt cho xã hội, ảnh hưởng lớn đến sức khoẻ của con người; đồng thời, đây còn là nguyên nhân dẫn đến các tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy cho bản thân và bạn bè đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

[4.1] Đánh giá vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Trần Văn S là người khởi xướng, cung cấp ma túy; bị cáo Triệu Văn N1 là cung cấp dụng cụ, địa điểm để sử dụng ma túy. Sau đó, bị cáo N1 là người hàn lại số ma túy còn lại và cất giấu để mục đích sử dụng cho lần sau. Như vậy, cả hai bị cáo đều có vai trò như nhau, đều là người thực hành.

[4.2] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này, các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với Triệu Văn N1 từng bị Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"; bị cáo đã chấp hành xong nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xem xét áp dụng cho bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc hơn.

Do đó, căn cứ vào tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo cũng như để đấu tranh phòng chống tội phạm ma túy mà Nhà nước và xã hội đang ra sức thực hiện, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt, có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng đối với 01 phong bì niêm phong số 68 ngày 27-12-2024 của Phòng K Công an tỉnh B (ma túy đã hết trong quá trình giám định); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A31 màu đen thu giữ của bị cáo N1 và 01 điện thoại di động hiệu Realme C51, màu đen thu giữ của bị cáo S. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định điện thoại trên là tài sản cá nhân của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[7] Các nội dung có liên quan khác: Đối với người thanh niên (không rõ nhân thân lai lịch) bán ma túy cho Trần Văn S, Cơ quan điều tra cần tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn S và Triệu Văn N1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

1.1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 01 (một) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 02 (hai) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, hình phạt chung bị cáo Trần Văn S phải chấp hành là **03 (ba) năm tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-12-2024.

1.2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Triệu Văn N1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Triệu Văn N1 02 (hai) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, hình phạt chung bị cáo Triệu Văn N1 phải chấp hành là **03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-12-2024.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Văn S và Triệu Văn N1.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:Tịch thu, tiêu hủy đối với 01 (một) phong bì niêm phong số 68 ngày 27-12-2024 của Phòng K Công an tỉnh B và 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A31 màu đen cho bị cáo Triệu Văn N1 và 01 điện thoại di động hiệu Realme C51, màu đen cho bị cáo Trần Văn S.

(Các vật chứng trên được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 112/BB-CCTHADS ngày 18-3-2025).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ THAHS Công an tỉnh BR-VT;
- PC10 Công an tỉnh BR-VT;
- PV06 Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- CCTHADS thành phố Vũng Tàu;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên